

PHỤ LỤC I
KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CHÍNH LÝ TÀI LIỆU LƯU TRỮ TỒN ĐỘNG
CỦA CÁC CƠ QUAN CẤP TỈNH GIAI ĐOẠN 2026 – 2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Cơ quan, đơn vị	Khối lượng cần chính lý (mét)	Ghi chú
1	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh	31,6	
2	Văn phòng UBND tỉnh	396,4	
3	Sở Nội vụ	582,19	
4	Sở Tài chính	573,93	
5	Sở Xây dựng	380,72	
6	Sở Nông nghiệp và Môi trường	780,00	
7	Sở Ngoại vụ	35,00	
8	Sở Khoa học và Công nghệ	310	
9	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	380,00	
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	205,75	
11	Sở Y tế	293,00	
12	Sở Công Thương	400,00	
13	Thanh tra tỉnh	92,00	
14	Chi cục Quản lý đất đai	219,00	
15	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	99,80	
16	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	50,56	
17	Chi cục Kiểm lâm	130,00	
18	Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	32,50	
19	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	34,29	
20	Chi cục Dân số - KHHGĐ	43,00	
21	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	44,65	
22	Cục Quản lý thị trường	160,00	
	Tổng cộng	5.274,39	